

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: MS số 04/TTG năm 2026
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.
- Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: 1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ.
- Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quý II, năm 2026.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Địa điểm bàn giao hàng hóa: 02 địa điểm.
 - + Kho J106, Xuân Mai, thành phố Hà Nội.
 - + Kho J250 Long Bình, Đồng Nai.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Toàn bộ hàng hóa đảm bảo mới, chưa qua sử dụng.
- Nhà thầu cam kết hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất có đầy đủ CO, CQ đối với hàng hóa nhập khẩu; cam kết chất lượng đối với sản phẩm sản xuất trong nước; giấy chứng nhận xuất xưởng, hàng hóa được sản xuất năm 2026.
 - Hàng hóa được cung cấp, bàn giao tại địa điểm nêu trong E-HSMT, các thông số kỹ thuật của sản phẩm phải phù hợp với đặc tính kỹ thuật của E-HSMT. Bất kỳ sự thay đổi nguồn gốc, chủng loại, quy cách kỹ thuật nào sẽ không được chấp thuận.
 - Nhà thầu phải đảm bảo có hàng hóa thay thế sẵn sàng cho các sản phẩm hàng hóa bị lỗi, không đảm bảo chất lượng trong quá trình nghiệm thu, thời gian thay thế hàng hóa không quá 10 ngày, kể từ ngày nghiệm thu nhưng không quá thời gian thực hiện gói thầu.

**** Công tác bảo hành:***

- Thời hạn bảo hành: Tối thiểu 12 tháng (365 ngày) đối với tất cả hàng hóa. Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo hành miễn phí bắt đầu từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.
 - Địa điểm bảo hành: Tại nơi cung cấp, bàn giao hàng hóa.

- Trong thời hạn bảo hành, nếu hàng hóa bị hư hỏng, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư thì nhà thầu phải có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục hoặc đổi hàng hóa khác trong vòng 10 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư thông báo. Hàng hóa sau khi bảo hành phải đảm bảo đúng các thông số, yêu cầu về kỹ thuật theo quy định của hãng sản xuất. Các chi phí liên quan đến việc sửa chữa, khắc phục, bảo hành do nhà thầu chịu hoàn toàn. Nhà thầu phải cam kết đến kiểm tra sự cố hàng hóa trong vòng 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

TT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Bảo hành
1	Bình điện vỏ nhựa 12V-170Ah	<ul style="list-style-type: none"> - Dung lượng danh định: 170 Ah - Điện áp danh định: 12 Volt - Chịu điện áp xuyên thủng vỏ bình: $\geq 1500V$ - Độ kín của vỏ, vách ngăn: $\geq 21Kpa$ - Kích thước bình (DxRxC): (505x215x195)mm (± 7 mm). - Trọng lượng khô bình: 30.5 kg ± 1 kg - Bình điện sản xuất đạt tiêu chuẩn: IATF 16949:2016 hoặc tương đương. - Cầu nối chìm trong bình. 	Bảo hành 12 tháng trở lên, tính từ ngày nhập kho
2	Bình điện vỏ gỗ 12V-140Ah	<ul style="list-style-type: none"> - Dung lượng danh định: 140 Ah - Điện áp danh định: 12 Volt - Chịu điện áp xuyên thủng vỏ bình: $\geq 1500V$ - Độ kín của vỏ, vách ngăn: $\geq 21Kpa$ - Kích thước bình (DxRxC): (571x236x215) mm(± 7 mm). - Trọng lượng khô bình: 31.5 kg ± 1 kg - Bình điện sản xuất đạt tiêu chuẩn: IATF 16949:2016 hoặc tương đương. - Cầu nối chìm trong bình. - Vỏ ngoài bằng gỗ, chống va đập. 	Bảo hành 12 tháng trở lên, tính từ ngày nhập kho
3	Bình điện vỏ nhựa kín khí 12V-100Ah	<ul style="list-style-type: none"> - Dung lượng danh định: 100 Ah - Điện áp danh định: 12 Volt - Chịu điện áp xuyên thủng vỏ bình: $\geq 1500V$ - Độ kín của các ngăn: $\geq 21Kpa$ - Kích thước bình (DxRxC): (281x265x204) mm(± 7 mm). - Trọng lượng khô bình: 25.0 kg ± 1 kg - Bình điện sản xuất đạt tiêu chuẩn: IATF 16949:2016 hoặc tương đương. - Cầu nối chìm trong bình. 	Bảo hành 12 tháng trở lên, tính từ ngày nhập kho
4	Bình điện vỏ gỗ 24V-85Ah	<ul style="list-style-type: none"> - Dung lượng danh định: 85 Ah - Điện áp danh định: 24 Volt - Chịu điện áp xuyên thủng vỏ bình: $\geq 1500V$ 	Bảo hành 12 tháng trở lên, tính từ

TT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Bảo hành
		<ul style="list-style-type: none"> - Độ kín của các ngăn: $\geq 21\text{Kpa}$ - Kích thước bình (DxRxC): (571x236x215) mm(± 7 mm). - Trọng lượng khô bình: 38.5 kg ± 1 kg - Bình điện sản xuất đạt tiêu chuẩn: IATF 16949:2016 hoặc tương đương. - Vỏ ngoài bằng gỗ, chống va đập. 	ngày nhập kho
5	Bình điện vỏ nhựa kín khí 12V-70Ah	<ul style="list-style-type: none"> - Dung lượng danh định: 70 Ah - Điện áp danh định: 12 Volt - Chịu điện áp xuyên thủng vỏ bình: $\geq 1500\text{V}$ - Độ kín của các ngăn: $\geq 21\text{Kpa}$ - Kích thước bình (DxRxC): 303x173x203 mm - Trọng lượng khô bình: 19,3 kg ± 1 kg - Bình điện sản xuất đạt tiêu chuẩn: IATF 16949:2016 hoặc tương đương. - Cầu nổi chìm trong bình. 	Bảo hành 12 tháng trở lên, tính từ ngày nhập kho
6	Dung dịch H_2SO_4 ($d=1,25\text{g}/\text{cm}^3$)	Dung dịch nạp bình điện phải đạt tỷ trọng $d=1,25\text{g}/\text{cm}^3$. Dung dịch được đựng trong can nhựa 30 lít và phi nhựa 200 lít.	Bảo hành 12 tháng trở lên, tính từ ngày nhập kho

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây: Khi bàn giao hàng hóa nhà thầu phải cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) đối với hàng hóa nhập khẩu; Giấy chứng nhận xuất xưởng đối với sản phẩm sản xuất trong nước và các tài liệu khác theo quy định tại Chương V, E-HSMT. Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.

- Để chứng minh hợp đồng tương tự đã hoàn thành, nhà thầu phải đính kèm E-HSDT các hồ sơ, tài liệu bao gồm: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính;

- Tất cả các tài liệu, hồ sơ đính kèm E-HSDT phải được Scan từ bản gốc hoặc bản sao được công chứng, chứng thực. Trong quá trình đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải cung cấp bản gốc để Chủ đầu tư đối chiếu, trường hợp nhà thầu không cung cấp bản gốc hoặc quá trình đối chiếu phát hiện sai sót thì nhà thầu bị coi là gian lận, E-HSDT sẽ bị loại và nhà thầu sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 2. Kiểm tra và thử nghiệm

2.1. Kiểm tra hàng hóa

- Khi bàn giao nhận hàng hóa, Nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm đến địa điểm giao hàng quy định tại E-HSMT, hai bên cùng kiểm tra về chứng từ, số lượng, chủng loại, xuất xứ, năm sản xuất và quy cách của hàng hóa, hai bên sẽ lập Biên bản bàn giao, nghiệm thu sơ bộ hàng hóa (nếu hàng hóa đạt yêu cầu kiểm tra).

- Nếu kết quả kiểm tra về chứng từ, số lượng, chủng loại, xuất xứ năm sản xuất và quy cách của lô hàng chứng tỏ hàng hóa không phù với văn bản của Hợp đồng, phụ lục của hợp đồng, hồ sơ dự thầu thì nhà thầu:

+ Phải khắc phục toàn bộ những tồn tại của lô hàng đó trong vòng 10 ngày kể từ ngày hai bên lập biên bản hiện trường nhưng không được quá ngày hết hạn thực hiện hợp đồng. Trường hợp bất khả kháng khắc phục chậm hai bên sẽ thống nhất lập biên bản để điều chỉnh hợp đồng;

+ Sau khi khắc phục toàn bộ những tồn tại của hàng hóa mà lô hàng vẫn không đáp ứng quy định của hợp đồng, chủ đầu tư có quyền từ chối nhận lô hàng đó và đơn phương chấm dứt hợp đồng và nhà thầu chịu mọi chi phí phát sinh từ việc tiếp nhận hàng hóa hoặc chậm tiếp nhận gây ra và bị phạt theo quy định tại điều khoản phạt của hợp đồng.

- Nếu kết quả kiểm tra về số lượng, chủng loại, xuất xứ, năm sản xuất và quy cách hàng hóa đúng với hợp đồng, đại diện có thẩm quyền của hai bên lập và ký Biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa.

2.2. Nghiệm thu, giám định chất lượng hàng hóa

- Nội dung nghiệm thu gồm: Số lượng, chủng loại, tình trạng bảo quản, đóng gói, xuất xứ, chất lượng hàng hóa và giám định các chỉ tiêu kỹ thuật hàng hóa. Kết quả giám định hàng hóa sẽ là cơ sở để đánh giá chất lượng và nghiệm thu hàng hóa. Chi phí nghiệm thu do nhà thầu chịu.

- Nếu hàng hóa phù hợp với các điều kiện của Hợp đồng, các Bên sẽ ký “Biên bản nghiệm thu hàng hóa”, biên bản này là cơ sở để thanh toán Hợp đồng.

- Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Kho của Nhà thầu.

Mục 3: Địa điểm giao hàng

- Phía Bắc: Kho J106, Xuân Mai, Hà Nội. Phía Nam: Kho J250, Long Bình, Đồng Nai.

TT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Phía Bắc Kho J106	Phía Nam Kho J250
1	Bình điện vỏ nhựa 12V-170Ah	Bình	200	180	20
2	Bình điện vỏ gỗ 12V-140Ah	Bình	1.375	1.200	175
3	Bình điện vỏ nhựa kín khí 12V-100Ah	Bình	280	180	100

TT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Phía Bắc Kho J106	Phía Nam Kho J250
4	Bình điện vỏ gỗ 24V-85Ah	Bình	80	80	0
5	Bình điện vỏ nhựa kín khí 12V-70Ah	Bình	600	500	100
6	Dung dịch axit H ₂ SO ₄ , d=1,25g/cm ³	Lít	13.000	10.000	3.000